

Bản số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Bà Ma Thị T – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

N đơn: Chị **Bé Thị T**, sinh năm 1986/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm D, xã L, huyện V - Thái Nguyên.

Bị Đơn: Anh **Hoàng Văn N**, sinh năm 1977/ vắng mặt lần thứ hai.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện Đ - Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Bé Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn N chung sống với nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh N ở xóm T, xã Q, huyện Đ. Vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do khó khăn về kinh tế, anh N không tu chí làm ăn và thường xuyên gây sự đánh chị. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng tiếp tục chung sống với anh N, đến tháng 5 năm 2020 do không thể chịu đựng được thêm nên chị bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng và đã sống ly thân với anh N từ đó đến nay. Bản thân chị nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 28/9/2003 và Hoàng Anh T, sinh ngày 29/10/2006. Khi ly hôn chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì hiện nay chị không có chỗ ở ổn định, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 01/9/2021. Còn cháu H đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Văn N trình bày: Anh và chị Bé Thị T kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện nhưng do hoàn cảnh gia đình nên không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Theo anh N thì vợ chồng vẫn đang chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những bất đồng nhỏ. Vào khoảng tháng 5 năm 2020 anh muốn gần gũi ngủ chung với vợ nhưng chị T không đồng ý, chửi anh nên anh mới đánh chị, sau đó chị T bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị T quay về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T, mà muốn chị T quay về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 28/9/2003 và Hoàng Anh T, sinh ngày 29/10/2006. Khi ly hôn anh N nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì chị T không có chỗ ở ổn định, yêu cầu chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng 1.500.000 đồng. Còn cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn”, căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bé Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 29/10/2006 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay

đổi khác. Chị Bé Thị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Hoàng Văn N mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc N đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ N quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: N đơn chị Bé Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Hoàng Văn N, bị đơn đang cư trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị T và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sự hòa hợp và đã sống ly thân được hơn một năm nay. Hiện anh N và con út ở cùng nhau, còn chị T ra ngoài thuê nhà trọ ở. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn anh N. Còn anh N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn và muốn chị T quay về đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên trong thời gian khoảng hơn một năm qua và kể từ khi chị T khởi kiện xin ly hôn đến nay anh N không có cách nào hòa giải đoàn tụ với chị T, không có cách nào thuyết phục được chị T rút đơn quay về chung sống với anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên đều không ai quan tâm đến ai, không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng

đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Bé Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 28/9/2003 và Hoàng Anh T, sinh ngày 29/10/2006. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì chị T không có chỗ ở ổn định, anh N yêu cầu chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng 1.500.000 đồng. Chị T nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố, do đó cần giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị T có ý kiến sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng **1.500.000 đồng**, quá trình giải quyết vụ án anh N nhất trí, xét thấy mức cấp dưỡng này phù hợp với pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tế cuộc sống hiện nay của con nên cần chấp nhận.

Cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 28/9/2003 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh N xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bé Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

[2]. Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 29/10/2006 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bé Thị T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé Thị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Hoàng Văn N mỗi tháng **1.500.000 đồng** kể từ ngày 01/9/2021 cho đến khi cháu Hoàng Anh T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Việc thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh N có đơn yêu cầu thi hành, chị T không thi hành được khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên, thì hàng tháng còn phải

chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 28/9/2003 đã trưởng thành, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

[5]. Án phí: Chị Bé Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005147 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái N. Chị Bé Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho N đơn là chị Bé Thị T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Hoàng Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, La Hiên;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường

